

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 1642/SKHĐT-THKTKG ngày 03/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 như sau:

1. Sự cần thiết của việc tổng kết tình hình thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013; trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển hợp tác xã ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức hợp tác xã với hạt nhân là “hợp tác”, hỗ trợ thành viên, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Đến nay, sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã tác động trên nhiều mặt như: Nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên; lĩnh vực hợp tác xã những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài. Tuy nhiên, thời gian qua đã có một số vấn đề nảy sinh cần phải được nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình phát triển của hợp tác xã trong tình hình mới.

2. Căn cứ tiến hành tổng kết

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

- Chỉ đạo triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ, khuyến khích phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã theo Nghị định số 88/2005/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 60/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính quy định về lãi suất cho vay vốn của quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020; Nghị quyết số 56/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020..., tổng kinh phí 73,9 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ vốn để đầu tư trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng 1,09 tỷ đồng, cho vay tín dụng ưu đãi 12 tỷ đồng; hỗ trợ 485 triệu đồng cho 17 hợp tác xã mới thành lập; bố trí 24 cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học làm việc có thời hạn tại 14 hợp tác xã; chi trả 2.067,69 triệu đồng (từ năm 2017 đến năm 2020) cho cán bộ làm việc tại các hợp tác xã; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp, số tiền 1,46 tỷ đồng (theo Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh). Phối hợp Dự án thích ứng biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (AMD) hỗ trợ 1,1 tỷ đồng (vay ưu đãi 300 triệu đồng, hỗ trợ không hoàn lại 800 triệu đồng) cho hợp tác xã nông nghiệp Thành Công phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường chỉ đạo xây dựng, phát triển, mở rộng các hình thức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản như: Liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra đối với

mô hình đậu phộng, ớt chỉ thiên, lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao, mía, khoai môn... trên địa bàn các xã Phước Hưng, Tân Sơn, Tập Sơn, Lưu Nghiệp Anh, Ngãi Xuyên, Tân Hiệp, Long Hiệp, Thanh Sơn, Đại An, Ngọc Biên, tổng diện tích 772 ha. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã nông nghiệp Thành Công ký kết hợp đồng cung ứng cây giống và bao tiêu sản phẩm cho các hộ dân trồng ớt, sản lượng trên 3.000 tấn; hợp tác xã nông nghiệp Thịnh Phát (xã Hàm Giang) trồng cà chua, ớt an toàn bằng phân hữu cơ; hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp xây dựng thương hiệu và chuỗi liên kết gạo sạch hữu cơ; làng nghề đan lát xã Đại An và làng nghề sản xuất các sản phẩm từ tre, trúc, tầm vong xã Hàm Giang ký kết hợp đồng cung ứng sản phẩm ngoài tỉnh và đưa sản phẩm thủ công mỹ nghệ xâm nhập vào thị trường sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh (SasCo).

- Tập trung chỉ đạo triển khai, thực hiện đồng bộ nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng; từng bước cơ cấu lại mùa vụ, bố trí lại cây trồng, vật nuôi, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng giá trị sản xuất của ngành; nhiều vùng sản xuất được triển khai xây dựng như: Vùng trồng màu trên địa bàn xã Ngọc Biên, Đại An (ớt chỉ thiên, đậu phộng, khoai môn) và vùng chuyên canh rau an toàn trên địa bàn xã An Quảng Hữu; đẩy mạnh thâm canh, luân canh, xen vụ trên địa bàn các xã. Quan tâm, chỉ đạo các xã triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn, góp phần thúc đẩy giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp lên 6,6%/năm, nâng giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp lên 116,3 triệu đồng/năm (tăng 65,61 triệu đồng). Đến nay, tỷ trọng nông nghiệp - thủy sản chiếm 45,73% so tổng cơ cấu giá trị sản xuất; công nghiệp - xây dựng chiếm 28,81%; thương mại - dịch vụ chiếm 25,46%; kinh tế huyện nhà tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 11,24%/năm so năm 2013.

- Tiếp tục chuyển đổi 6.439,9 ha đất sản xuất kém hiệu quả sang các hình thức sản xuất hiệu quả, góp phần nâng hệ số sử dụng đất lên 2,5 lần; nâng giá trị sản xuất nông nghiệp lên 2.308 tỷ đồng.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển, tỷ lệ nạc hóa đàn heo, sind hóa đàn bò tăng dần qua các năm, chất lượng con giống được cải thiện đáng kể. Đến nay, tỷ lệ nạc hóa đàn heo đạt 100% (tăng 10%), sind hóa đàn bò đạt 90,03% (tăng 40,03%); công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai thực hiện hiệu quả; công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm được kiểm tra thường xuyên, bình quân hàng năm phát triển trên 01 triệu con gia súc, gia cầm; nhiều mô hình sản xuất, chăn nuôi tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường được triển khai xây dựng và nhân rộng. Chỉ đạo xây dựng và đưa vào hoạt động 02 cơ sở giết mổ gia súc tập trung tại xã Tập Sơn và Long Hiệp; đầu tư xây dựng mới 526 công trình khí

sinh học (biogas), góp phần tạo điều kiện cho hộ chăn nuôi tận dụng triệt để chất thải chăn nuôi làm khí đốt phục vụ sinh hoạt và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Lĩnh vực thủy sản tiếp tục phát triển, tổng giá trị sản xuất đạt 2.482,6 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng thủy sản bình quân 13%/năm (tăng 7,21% so năm 2008). Quan tâm triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích ngư dân đầu tư, đổi mới ngư cụ, nâng cao năng lực đánh bắt thủy, hải sản xa bờ; tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực hậu cần nghề cá phát triển. Tiếp tục nhân rộng và phát triển các mô hình nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Cua biển, tôm càng xanh, tôm thẻ chân trắng, cá thác lác.... Chỉ đạo xây dựng các vùng chuyên canh nuôi thủy sản như: Chuyên canh tôm sú (xã Đại An, Định An), lúa - tôm càng xanh (xã Hàm Tân), nuôi cá lóc (xã Đại An, Định An, Hàm Tân)...

- Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống trên địa bàn. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 7,35%/năm. Chỉ đạo phát triển mới 361 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và 22 doanh nghiệp, nâng tổng số 1.465 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và 186 doanh nghiệp, góp phần giải quyết việc làm cho 21.366 lao động, đóng góp vào ngân sách địa phương trên 209 tỷ đồng, riêng năm 2020 giá trị sản xuất ngành công nghiệp 767,8 tỷ đồng, chiếm 7,55% tổng giá trị sản xuất toàn huyện. Ngoài ra, huyện còn hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng logo nhãn hiệu hàng hóa cho 03 cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức họp mặt doanh nghiệp hàng năm; kịp thời cung cấp thông tin về thị trường, cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, vốn vay... tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng bình quân 19%/năm. Tăng cường phối hợp thực hiện công tác xúc tiến thương mại và tổ chức tốt các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn; các cuộc hội chợ thương mại, nông nghiệp và chương trình bán hàng bình ổn giá phục vụ Tết Nguyên đán hàng năm; chỉ đạo thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Trà Cú; tổ chức kiểm kê, áp giá tài sản và hoàn thành phương án chuyển đổi chợ Đại An và chợ Làng Cá (thị trấn Định An); phát triển mới 352 hộ kinh doanh cá thể, nâng tổng số 2.224 hộ, vốn hoạt động 208,97 tỷ đồng.

2. Công tác triển khai, giám sát thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn

2.1. Tình hình triển khai, hướng dẫn và thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác xã, nhận thức của người dân, cán bộ quản lý cơ quan Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ, khuyến khích phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã theo Nghị định số 88/2005/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị

quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường; Quyết định số 62/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 60/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay vốn của quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020, tổng kinh phí 3,1 tỷ đồng.

- Phối hợp Liên minh Hợp tác xã tổ chức 75 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động cho Ban Chỉ đạo tổ chức đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể huyện, các xã, thị trấn (3.750 đại biểu tham dự); phân công 18 lượt cán bộ, công chức tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tập thể do Liên minh Hợp tác xã và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức; phối hợp Sở Công thương đưa 01 hợp tác xã tham gia hội nghị xúc tiến thương mại kết nối thị trường tiêu thụ các sản phẩm lúa gạo, hàng thủ công mỹ nghệ và đặc sản tại tỉnh An Giang và Đồng Tháp; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm về công tác tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã tại tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ (412 lượt đại biểu tham gia).

- Tăng cường chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; tổ chức 890 lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân (32.951 lượt người dự); đẩy mạnh chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên diện rộng, ứng dụng công nghệ sinh học cấy nấm sản xuất sạch, ômeta diệt trừ rầy nâu trên lúa, sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ vào sản xuất... gắn với tổ chức tập huấn, hội thảo và các chương trình cùng nông dân ra đồng, tạo điều kiện cho nông dân, thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã tiếp thu, vận dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích.

2.2. Tình hình tổ chức và hướng dẫn đăng ký hợp tác xã và đăng ký lại hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012

Chỉ đạo giải thể bắt buộc 15 hợp tác xã hoạt động không hiệu quả, thành lập mới 18 hợp tác xã (lĩnh vực nông nghiệp 16 hợp tác xã, lĩnh vực xây dựng 01 hợp tác xã, lĩnh vực thương mại – dịch vụ 01 hợp tác xã). Nhìn chung, công tác hướng dẫn thực hiện giải thể, thành lập mới các hợp tác xã được thực hiện đúng quy định, hầu hết các hợp tác xã mới thành lập đều được thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 04/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.3. Tình hình chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và giải thể hợp tác xã đến thời điểm báo cáo

- Chỉ đạo xây dựng, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã. Đến tháng 08/2021, toàn huyện có 258 tổ hợp tác, 5.634 thành viên (lĩnh vực nông nghiệp 195 tổ, lĩnh vực thủy sản 09 tổ, lĩnh vực khác 54 tổ), vốn

góp 7.006,98 triệu đồng; 27 hợp tác xã, 5.810 thành viên, vốn điều lệ 27.459,4 triệu đồng, với 226 lao động làm việc thường xuyên tại các hợp tác xã (19 hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp, 02 hợp tác xã lĩnh vực thủy sản, 01 hợp tác xã lĩnh vực vận tải, 01 hợp tác xã lĩnh vực xây dựng, 01 hợp tác xã lĩnh vực thương mại – dịch vụ, 03 quỹ tín dụng nhân dân), doanh thu bình quân 06 tháng đầu năm 440 triệu đồng, lãi suất bình quân 29,35 triệu đồng (trừ 03 hợp tác xã mới thành lập, 02 hợp tác xã chờ giải thể).

2.4. Tình hình cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên và tình hình góp vốn của thành viên vào hoạt động hợp tác xã

- Về hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên tương đối đa dạng với các lĩnh vực như: Lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, thức ăn thủy sản, gạo hữu cơ và các mặt hàng rau củ, quả, dịch vụ thu mua, vận chuyển mía, thu mua và cung ứng lúa giống. Nổi bật nhất là hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp, hợp tác xã nông nghiệp Thành Công, hợp tác xã nông nghiệp An Thới, hợp tác xã nông nghiệp Phát Đạt; lĩnh vực vận tải cung ứng các dịch vụ về thu các loại phí bảo hiểm xe, phí bảo trì đường bộ, hỗ trợ đăng ký các thủ tục khác để đảm bảo lưu thông theo quy định; lĩnh vực tín dụng hoạt động ổn định nhất trong các loại hình hợp tác xã; hầu hết, các Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động chuyển biến rõ rệt theo hướng hiệu quả, ổn định về tổ chức và cán bộ, các chỉ tiêu hoạt động như số lượng thành viên, vốn điều lệ, vốn huy động tại chỗ được giữ vững và tăng trưởng hàng năm; nợ quá hạn thấp hơn mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước, chủ động điều hành vốn trong kinh doanh, đáp ứng tốt về nguồn vốn cho thành viên, đảm bảo khả năng chi trả cho khách hàng, tạo điều kiện cho người nghèo, người có thu nhập thấp, cơ sở sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ vay vốn sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Về tình hình góp vốn của các thành viên hợp tác xã: Tổng vốn điều lệ 22.792,2 triệu đồng (đạt 83% tổng số vốn).

2.5. Tình hình xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và tình hình triển khai Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Các hợp tác xã đảm bảo hoạt động hiệu quả, quy mô, công nghệ như: Lĩnh vực nông nghiệp – thủy sản có 08/18 hợp tác xã (trừ 03 hợp tác xã mới thành lập) đảm bảo hoạt động hiệu quả gồm: Hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp, hợp tác xã nông nghiệp Thành Công, hợp tác xã nông nghiệp An Thới, hợp tác xã nông nghiệp Phát Đạt, hợp tác xã nông nghiệp Phước Hưng, hợp tác xã chăn nuôi Đoàn Kết, hợp tác xã nông nghiệp Tân Hiệp, có 02 hợp tác xã cơ bản đảm bảo về công nghệ, thị trường và năng lực nội tại gồm: Hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp và hợp tác xã nông nghiệp Thành Công.

- Về công tác triển khai Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu

mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025”: Qua rà soát, kết quả có hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp đảm bảo đủ điều kiện tham gia Đề án và được Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn tham gia Đề án của tỉnh.

3. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã

Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã, cụ thể như sau:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Không có
- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Không có
- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới: Hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đầu tư hệ thống máy đóng gói tự động sản phẩm gạo, kinh phí 88 triệu đồng; hợp tác xã nông nghiệp Thành Công được Dự án thích ứng biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (AMD) hỗ trợ 1,1 tỷ đồng (vay ưu đãi 300 triệu đồng, hỗ trợ không hoàn lại 800 triệu đồng) để phát triển sản xuất, kinh doanh.
- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Không có.
- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội: Không có.
- Chính sách thành lập mới hợp tác xã: Hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho 18 hợp tác xã, số tiền 2.067,69 triệu đồng (theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh).
- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp, số tiền 1,46 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 56/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020), trong đó huyện đối ứng 564 triệu đồng. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đầu tư hệ thống máy đóng gói tự động sản phẩm gạo cho hợp tác xã, kinh phí 88 triệu đồng, trong đó huyện đối ứng 40 triệu đồng.
- Chính sách giao đất, cho thuê đất: Thực hiện giao đất không thu tiền (diện tích 200m²) cho hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp xây dựng nhà kho gắn với trụ sở làm việc.
- Chính sách ưu đãi về tín dụng: Phối hợp Dự án thích ứng biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (AMD) hỗ trợ 1,1 tỷ đồng (vay ưu đãi 300 triệu đồng, hỗ trợ không hoàn lại 800 triệu đồng) cho hợp tác xã nông nghiệp Thành Công phát triển sản xuất, kinh doanh.
- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: Không có.
- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm: Không có.
- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong hợp tác xã: Không có.

- Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí: Thực hiện theo quy định của ngành thuế.

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã với doanh nghiệp: Không có.

- Chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua hợp tác xã: Không có.

4. Công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Chỉ đạo các ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với từng loại hình kinh tế tập thể và chức năng, nhiệm vụ trong công tác tổ chức, đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, chú trọng đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể. Định kỳ, hàng năm đưa chỉ tiêu phát triển kinh tế tập thể vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các ngành và các xã, thị trấn.

- Chỉ đạo thành lập, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo tổ chức đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã huyện, phân công đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Đồng thời, chỉ đạo các xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã. Trong quá trình hoạt động, Ban Chỉ đạo huyện ban hành quy chế làm việc, phân công thành viên phụ trách từng địa bàn, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn. Phân công đồng chí Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch phụ trách công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn huyện.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã: Hàng năm, Ban Chỉ đạo huyện thực hiện tốt công tác kiểm tra tình hình hoạt động của các hợp tác xã nhằm kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện chế độ báo cáo đúng theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ KỂ TỪ KHI LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012 CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Đánh giá chung về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

a) Số lượng hợp tác xã dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013), trong đó có số lượng hợp tác xã thành lập mới; số lượng hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể

Dự kiến cuối năm 2021, huyện có 27 hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 (tăng 05 hợp tác xã so năm 2013), trong năm thành lập mới 03 hợp tác xã, 24 hợp tác xã đang hoạt động, 03 hợp tác xã ngưng hoạt động, chờ giải thể (hợp tác xã nông nghiệp Thịnh Phát, xã Hàm Giang, hợp tác xã nông nghiệp Phát Lộc, xã Ngãi Xuyên, hợp tác xã xây dựng Trường Hải, xã Ngọc Biên).

b) Số thành viên hợp tác xã dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã, số lao động làm việc trong hợp tác xã dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013), số lao động mới

Dự kiến đến ngày 31/12/2021, huyện có 5.810 thành viên hợp tác xã (tăng 1.717 thành viên so năm 2013), trong năm tăng thêm 37 thành viên mới; số lao động làm việc tại hợp tác xã 210 thành viên (giảm 272 thành viên so năm 2013) trong đó tăng thêm 09 lao động mới.

c) Hiệu quả hoạt động của hợp tác xã

Tổng vốn điều lệ của các hợp tác xã đến ngày 31/12/2021 là 27.198 triệu đồng (tăng 4.499 triệu đồng so năm 2013), lợi nhuận bình quân của hợp tác xã ước khoảng 200 triệu đồng (năm 2013 không có lợi nhuận); thu nhập bình quân đầu người đối với lao động làm việc thường xuyên tại hợp tác xã từ 4,6 – 5 triệu đồng (tăng 2 – 2,5 triệu đồng so năm 2013). Tuy nhiên, mức đóng góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã vào giá trị sản xuất của huyện còn thấp (chiếm 0,32%).

d) Số lượng cán bộ quản lý hợp tác xã, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên; số lao động ở hợp tác xã được hỗ trợ bảo hiểm xã hội (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 và so sánh với thời điểm 01/7/2013).

Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã 117 người (tăng 81 người so năm 2013), trong đó lao động có trình độ thạc sỹ 06 người (chiếm 5,13%), đại học 47 người (chiếm 40,17%), cao đẳng 03 người (chiếm 2,56%), trung cấp 07 người (chiếm 5,98%), trung cấp trở xuống 54 người (chiếm 46,15%).

2. Đánh giá theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã

Kết quả đánh giá, phân loại hoạt động hợp tác xã gồm có: 04 hợp tác xã xếp loại tốt (chiếm 16,67%), 04 hợp tác xã xếp loại khá (chiếm 16,67%), 03 hợp tác xã xếp loại trung bình (chiếm 12,5%), các hợp tác xã còn lại xếp loại yếu.

3. Đánh giá kết quả phát triển hợp tác xã theo lĩnh vực

- Lĩnh vực nông nghiệp: 19 hợp tác xã, 1.178 thành viên, vốn điều lệ 11.287,4 triệu đồng, 172 lao động làm việc thường xuyên tại các hợp tác xã (số lao động đồng thời là thành viên hợp tác xã 60 người), số cán bộ quản lý hợp tác xã 49 người (trình độ đại học, cao đẳng 30 người, trung cấp, sơ cấp trở xuống 19 người). Hoạt động chủ yếu: Thực hiện một số dịch vụ hỗ trợ cho thành viên như cung ứng giống cây trồng, con nuôi (ớt, khoai môn, bầu, bí, mía, lúa giống, cá lóc giống...), phân bón,

thuốc bảo vệ thực vật, các dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp, ngoài việc cung ứng phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật, hiện nay còn cung ứng cho thị trường trong và ngoài huyện sản phẩm gạo sạch mang thương hiệu “Hạt Ngọc Rồng” được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2020 và Công ty TNHH GIC Việt Nam cấp chứng nhận TCVN ISO 22000:2018, chứng nhận tiêu chuẩn OCOP 4 sao cấp tỉnh.

- Lĩnh vực thủy sản: 01 hợp tác xã, 10 thành viên, vốn điều lệ 6.340 triệu đồng, từ năm 2020 đến nay không phát sinh hoạt động kinh doanh, chủ yếu duy trì để thu hồi nợ.

- Lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ: 01 hợp tác xã, 24 thành viên, vốn điều lệ 570 triệu đồng, hoạt động chủ yếu tương trợ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, phát triển cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ổn định nguồn thu, phù hợp với chủ trương xã hội hóa hoạt động quản lý chợ, đồng thời góp phần ổn định giá cả thị trường, bảo vệ quyền lợi cho nhà cung cấp và người tiêu dùng trong điều kiện kinh tế hội nhập.

- Lĩnh vực xây dựng: 01 hợp tác xã, 07 thành viên, vốn điều lệ 500 triệu đồng, do làm ăn thua lỗ hợp tác xã đã ngưng hoạt động, hiện đang vận động giải thể tự nguyện theo quy định.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: 01 hợp tác xã, 188 thành viên, vốn điều lệ 80 triệu đồng, hợp tác xã đang quản lý trên 130 đầu xe, có 156 thành viên trong và ngoài huyện sử dụng sản phẩm dịch vụ của hợp tác xã, hiện nay hợp tác xã đã hoạt động ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện vận tải hàng hóa, được cấp các phù hiệu lưu thông, vận tải hành khách dễ dàng. Từ đó việc vận chuyển 02 chiều của các mặt hàng công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản của địa phương được thuận lợi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Lĩnh vực tín dụng: 03 Quỹ tín dụng nhân dân, với 4.262 thành viên, vốn điều lệ 7.595 triệu đồng, đây là mô hình hợp tác hiệu quả nhất, doanh thu và lợi nhuận ổn định, góp phần giải quyết nhu cầu vốn cho thành viên và người dân tại địa phương để đầu tư phát triển sản xuất.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả đạt được

- Nhìn chung, công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã từng bước đi vào nề nếp, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường.

- Các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đối với hoạt động kinh tế tập thể, hợp tác xã được triển khai thực hiện kịp thời, qua đó giúp cho các hợp tác xã từng bước củng cố, kiện toàn bộ máy, nguồn nhân lực, cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật mở rộng sản xuất, kinh doanh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chỉ đạo củng cố, phát triển, nâng chất lượng hoạt động các loại hình kinh tế tập thể chưa đạt yêu cầu; tỷ lệ đóng góp của các loại hình kinh tế tập thể vào tổng giá trị sản xuất của huyện còn thấp (chiếm khoảng 0,32% so tổng giá trị sản xuất toàn huyện).

- Công tác tham mưu của một số thành viên Ban chỉ đạo tổ chức đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể huyện và một số ngành huyện, xã, thị trấn trong triển khai thực hiện từng lúc chưa kịp thời, nhất là công tác tham mưu phát triển tổ hợp tác và hợp tác xã trong lĩnh vực liên doanh, liên kết.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của một số tổ hợp tác, hợp tác xã còn hạn chế, chưa phát huy được vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tỷ lệ tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động yếu, không thường xuyên hoạt động và nguy cơ giải thể còn cao.

- Hình thức hợp tác của các tổ hợp tác, hợp tác xã chưa nhiều, thiếu chặt chẽ; phần lớn các tổ hợp tác thành lập tự phát, góp vốn ít, quy mô sản xuất và khối lượng sản phẩm còn nhỏ, sức cạnh tranh hàng hóa chưa cao, ngành nghề kinh doanh chưa đa dạng, lợi ích mang lại cho các thành viên chưa nhiều; trình độ quản lý, điều hành còn hạn chế, tính ổn định chưa cao.

2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan:*

- Tiềm lực phát triển kinh tế tập thể còn hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững.

- Tình hình thời tiết, biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến khó lường, giá cả một số mặt hàng nông sản không ổn định đã tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống của người dân nông thôn.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Một số cơ quan, đơn vị từng lúc chưa nắm bắt kịp thời những khó khăn, bức xúc của các tổ hợp tác, hợp tác xã để hướng dẫn, hỗ trợ, nâng chất lượng hoạt động.

- Tư duy sản xuất độc lập, nhỏ lẻ của người dân chậm thay đổi; ít quan tâm đến khuyến cáo của ngành chuyên môn, nhà khoa học, còn chạy theo thị trường, lợi nhuận trước mắt, sản xuất không gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế, còn xem đây là công việc của Nhà nước nên chưa tích cực tham gia vào các loại hình kinh tế tập thể và các hình thức liên kết sản xuất.

- Sự phối hợp giữa một số đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể từng lúc thiếu chặt chẽ; chưa kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Năng lực quản lý, điều hành của một số lãnh đạo hợp tác xã còn hạn chế, chưa chủ động phát huy nội lực trong sản xuất, kinh doanh.

3. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể sâu rộng trong nội bộ và Nhân dân nhằm huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể.

- Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể; gắn công tác phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhằm tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp và khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản trên thị trường.

- Thường xuyên tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhằm kịp thời phát huy ưu điểm và chỉ đạo uốn nắn những hạn chế, thiếu sót ngay từ khi mới phát sinh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân, nhất là các thành viên hợp tác xã; triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện.

2. Khuyến khích phát triển hình thức trang trại gia đình, kinh tế hợp tác, hợp tác xã và các làng nghề truyền thống trên địa bàn; tiếp tục xây dựng và nhân rộng các loại hình liên kết, hợp tác sản xuất và hình thành các tổ hợp tác công - nông nghiệp - dịch vụ và sản xuất, kinh doanh dịch vụ; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương.

3. Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành kinh tế hợp tác, hợp tác xã; thường xuyên phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, học tập mô hình, nhằm nâng cao kiến thức, năng lực về quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh, kiến thức thị trường... cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể và thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, chủ trang trại...

4. Tăng cường công tác chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; kịp thời củng cố, nâng chất lượng hoạt động và chỉ đạo giải thể bắt buộc đối với các hợp tác xã hoạt

động kém hiệu quả, không thường xuyên hoạt động và không đảm bảo các tiêu chí theo quy định. Quan tâm chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề về liên kết sản xuất, vốn, thị trường, cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực, khoa học - kỹ thuật; thực hiện tốt công tác tư vấn thành lập hợp tác xã, kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên, tạo mối liên doanh, liên kết, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và lao động.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền 02 cấp trong công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển các loại hình kinh tế tập thể. Quá trình thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm và nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, những điển hình tiên tiến và kịp thời uốn nắn, rút kinh nghiệm những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư năm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- TTHU-HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Văn Nghị

PHỤ LỤC

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Trà Cú)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm									
			1/7/2013	31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021
I	Hợp tác xã											
1	Tỷ trọng đóng góp vào GRDP	%										
2	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã		22	8	8	9	10	17	23	24	27
	<i>Trong đó:</i>											
	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã		0	0	0	2	4	7	6	0	3
	Số hợp tác xã giải thể	Hợp tác xã		15	0	0	0	0	0	0	0	1
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Hợp tác xã		0	0	0	0	0	0	0	15	12
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người		4.093	3.936	3.931	3.950	4.060	4.709	5.408	5.408	5.810
	<i>Trong đó:</i>											
	Số thành viên mới	Thành viên		0	540	861	371	110	297	699	248	37
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên		4.093	3.936	3.931	3.950	4.060	4.709	5.408	5.408	5.810
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên		0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên		0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên		482	62	62	79	96	140	188	199	210
	<i>Trong đó:</i>											
	Số lao động thường xuyên mới	Người		0	0	0	12	17	44	30	50	9
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người		482	62	62	79	96	140	188	188	113
5	Tổng vốn hoạt động của hợp tác xã	Triệu đồng		22.699	3.936	13.969	15.339	17.803	20.604	24.092	24.092	27.198
6	Tổng giá trị tài sản hợp tác xã	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Doanh thu bình quân một hợp tác xã, trong đó:	Triệu đồng/năm	15	20	30	40	60	80	120	350	500	800

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ THEO THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-BKHĐT
(Kèm theo Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Trà Cú)

TT	Phân loại theo ngành nghề (theo nhóm ngành nghề kinh doanh Cấp 1)	Tổng số	Sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên				Quy mô thành viên				Tổng nguồn vốn				Đánh giá phân loại hợp tác xã			
			Sản xuất	Tiêu dùng	Lao động	Hỗ trợ	Siêu nhỏ (<50 TV)	Nhỏ (50-300 TV)	Vừa (300-1000 TV)	Lớn (>1000 TV)	Siêu nhỏ (< 1 tỷ đồng)	Nhỏ (1-5 tỷ đồng)	Vừa (5-50 tỷ đồng)	Lớn (>50 tỷ đồng)	Tốt (>80đ)	Khá (65-80đ)	Trung bình (50-65đ)	Yếu (<50đ)
Tổng số hợp tác xã		24	19	0	0	6	6	15	1	2	17	6	1	0	4	3	2	15
1	Lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản	19	19	0	0	0	4	15	0	0	14	3	1	0	2	2	2	12
2	Lĩnh vực xây dựng	1				X	X				X							X
3	Lĩnh vực giao thông vận tải	1				X		X			X						X	
4	Lĩnh vực quỹ tín dụng	3				3			1	2		3			2	1		
5	Lĩnh vực thương mại – dịch vụ	1				X	X				X					X		

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
(Kèm theo Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Trà Cú)

TT	Nội dung chính sách	01/7/2013		Kết quả thực hiện												
				31/12/2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016						
		Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)			
														NSTW	NSDP	NSTW
	TỔNG															
	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với hợp tác xã	126,44	0	126,44	668,16	0	668,16	938,161	0	938,161	795,13	0	795,13	918,9	0	828,9
1	Thành lập mới	80	0	80	210	0	210	170,201	0	170,201	0	0	0	90	0	90
2	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương (nguồn nhân lực theo Quyết định số 04/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)	46,44	0	46,44	458,16	0	458,16	767,96	0	767,96	795,13	0	795,13	829,9	0	828,9